

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2025/DS-ST

Ngày: 06/10/2025.

V/v tranh chấp HĐ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Tuyết

2. Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Cẩn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng V1). Trụ sở chính: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội). Địa chỉ liên lạc: Tầng A, số I C, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Đ- Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ. *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Bà Nguyễn Võ Thùy L, sinh năm 1995- Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ, Văn bản ủy quyền số 1909/2025/UQ-VPB ngày 01/8/2025. Địa chỉ liên hệ: Số D B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Bà L có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân D1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Võ Thùy L đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng V1 với ông Nguyễn Xuân D2 ký các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ1 ngày 26/10/2020- LD 2030402157) với các nội dung: Số tiền vay: 140.000.000đ; giải ngân ngày 30/10/2020; mục đích: vay tiêu dùng; thời hạn vay: 60 tháng kể từ 30/10/2020 đến 15/10/2025; lãi suất : 20%/năm cố định đến 01/01/2021, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, biên độ 10%; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Đã thanh toán nợ gốc là 39.245.433đ, lãi là 44.761.936đ. Tính đến ngày 06/10/2025 còn nợ là 213.078.005đ. Trong đó nợ gốc là 100.754.567đ, nợ lãi là 112.323.438đ.

Hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ2 ngày 28/10/2020- LD 2031900582) với các nội dung: Số tiền vay: 130.000.000đ; giải ngân ngày 14/11/2020; mục đích: vay tiêu dùng; thời hạn vay: 60 tháng kể từ 14/11/2020 đến 10/11/2025; lãi suất : 20%/năm cố định đến 01/01/2021, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, biên độ 10%; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Đã thanh toán nợ gốc là 34.080.631đ, lãi là 40.956.003đ. Tính đến ngày 28/8/2025 còn nợ là 200.115.329đ. Trong đó nợ gốc là 95.919.369đ, nợ lãi là 104.195.960đ.

Quá trình thực hiện ông D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 10/9/2022. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, yêu cầu ông D1 thanh toán nợ nhưng ông D1 không thực hiện. Tạm tính đến 06/10/2025. Tổng số nợ là 413.193.334đ. Trong đó nợ gốc là 196.673.936đ, nợ lãi là 216.519.398đ. Ngân hàng yêu cầu ông D1 trả toàn bộ số tiền này và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 07/10/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại đơn kiện và trong quá trình giải quyết Ngân hàng còn yêu cầu ông Nguyễn Xuân D1 trả số tiền nợ thẻ tín dụng số 325-P-3243840 ngày 10/11/2020 với số tiền yêu cầu thanh toán 48.876.343đ tính đến 15/5/2025. Tại phiên tòa Ngân hàng rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

2. *Bị đơn ông Nguyễn Xuân D1:* Quá trình giải quyết vụ án, ông D1 đã được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

3. *Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đều chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vụ án, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Xuân D2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V1 tính đến ngày 06/10/2025 là 413.193.334đ. Trong đó nợ gốc là

196.673.936đ, nợ lãi là 216.519.398đ và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 07/10/2025 đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ, đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu thanh toán khoản nợ của thẻ tín dụng do Ngân hàng rút lại yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngân hàng V1 kiện ông Nguyễn Xuân D1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông D1 cư trú tại phường B, thành Phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D1.

- Ngân hàng V1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả số tiền nợ thẻ tín dụng số 325-P-3243840 ngày 10/11/2020 với số tiền yêu cầu thanh toán 48.876.343đ tính đến 15/5/2025 nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này, nếu có tranh chấp thì giải quyết trong vụ án khác.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ông Nguyễn Xuân D1 có ký hợp tín dụng với Ngân hàng V1 gồm có: Hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ1 ngày 26/10/2020- LD 2030402157) với các nội dung: Số tiền vay: 140.000.000đ; giải ngân ngày 30/10/2020; mục đích: vay tiêu dùng; thời hạn vay: 60 tháng kể từ 30/10/2020 đến 15/10/2025; lãi suất : 20%/năm cố định đến 01/01/2021, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, biên độ 10%; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Đã thanh toán nợ gốc là 39.245.433đ, lãi là 44.761.936đ. Tính đến ngày 06/10/2025 còn nợ là 213.078.005đ. Trong đó nợ gốc là 100.754.567đ, nợ lãi là 112.323.438đ. Hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ2 ngày 28/10/2020- LD 2031900582) với các nội dung: Số tiền vay: 130.000.000đ; giải ngân ngày 14/11/2020; mục đích: vay tiêu dùng; thời hạn vay: 60 tháng kể từ 14/11/2020 đến 10/11/2025; lãi suất : 20%/năm cố định đến 01/01/2021, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, biên độ 10%; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Đã thanh toán nợ gốc là 34.080.631đ, lãi là 40.956.003đ. Tính đến ngày 28/8/2025 còn nợ là 200.115.329đ. Trong đó nợ gốc là 95.919.369đ, nợ lãi là 104.195.960đ. Quá trình thực hiện ông D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 10/9/2022. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, yêu cầu ông D1 thanh toán nợ nhưng ông D1 không thực hiện. Tạm tính đến 06/10/2025. Tổng số nợ là 413.193.334đ. Trong đó nợ gốc là 196.673.936đ, nợ lãi là 216.519.398đ. Ngân hàng yêu cầu ông D1 trả toàn bộ số tiền này và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 07/10/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các

bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã ký kết, căn cứ vào sổ phụ kèm phiếu báo nợ, báo có của bị đơn Nguyễn Xuân D1 và bản chi tiết tính lãi tiền vay của Ngân hàng thì số nợ phát sinh của Hợp đồng tín dụng ngày 26/10/2020 đến ngày 06/10/2025 chưa được thanh toán là 213.078.005đ, trong đó nợ gốc là 100.754.567đ, nợ lãi là 112.323.438đ và Hợp đồng tín dụng ngày 28/10/2020 là 200.115.329đ, trong đó nợ gốc là 95.919.369đ, nợ lãi là 104.195.960đ. Do ông Nguyễn Xuân D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng đã yêu cầu thanh toán nợ nhưng không thực hiện. Trong quá trình giải quyết, ông Nguyễn Xuân D1 đã được thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông D1 không có mặt để tham gia tố tụng. Do vậy, ông D1 đã từ bỏ thực hiện các quyền tố tụng của mình tại Tòa án cũng như phản bác các ý kiến, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đưa ra chứng cứ để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P với các nội dung đã cam kết tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết, sổ phụ kèm phiếu báo nợ, báo có, bản chi tiết tính lãi tiền vay do Ngân hàng cung cấp và quy định của pháp luật nên chấp nhận. Ông Nguyễn Xuân D1 phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 06/10/2025. Tổng số nợ là 413.193.334đ. Trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng ngày 26/10/2020 là 213.078.005đ, trong đó nợ gốc là 100.754.567đ, nợ lãi là 112.323.438đ và nợ của Hợp đồng tín dụng ngày 28/10/2020 là 200.115.329đ, trong đó nợ gốc là 95.919.369đ, nợ lãi là 104.195.960đ và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 07/10/2025 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông D1 phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả là 20.527.733đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 227, 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91; 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với ông Nguyễn Xuân D1 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Xuân D1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tính đến ngày 06/10/2025 số tiền :

Nợ của Hợp đồng tín dụng ngày 26/10/2020 là 213.078.005đ (Hai trăm mười ba triệu, không trăm bảy mươi tám ngàn, không trăm lẻ năm đồng). Trong đó nợ gốc là 100.754.567đ, nợ lãi là 112.323.438đ

Nợ của Hợp đồng tín dụng ngày 28/10/2020 là 200.115.329đ (Hai trăm triệu, một trăm mười năm ngàn, ba trăm hai mươi chín đồng). Trong đó nợ gốc là 95.919.369đ, nợ lãi là 104.195.960đ

Ông Nguyễn Xuân D1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh từ ngày

07/10/2025 trên số nợ còn phải thanh toán đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ1 ngày 26/10/2020) và Hợp đồng tín dụng (Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ2 ngày 28/10/2020)

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với ông Nguyễn Xuân D1 về yêu cầu thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng số số 325-P-3243840 ngày 10/11/2020 với số tiền yêu cầu thanh toán 48.876.343đ tính đến 15/5/2025

3. Án phí:

- Ông Nguyễn Xuân D1 phải nộp 20.527.733đ (Hai mươi triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, bảy trăm ba mươi ba đồng)

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 9.769.500đ (Chín triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0002039 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV12-TPHCM;
- Phòng THADS KV 12-TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Anh